

KẾ HOẠCH

Kiểm tra thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2018

Nhằm tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020; đảm bảo hoàn thành các mục tiêu cải cách hành chính năm 2018 của tỉnh Thanh Hóa, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2018 tại các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố năm 2018; với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

a) Đánh giá khách quan, toàn diện tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh năm 2018 được Chủ tịch UBND tỉnh giao cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh (gọi chung là các sở), UBND các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là UBND cấp huyện), từ đó có biện pháp chỉ đạo phù hợp, sát hơn đối với việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trong thời gian tiếp theo.

b) Kịp thời phát hiện những vướng mắc, khó khăn, hạn chế, vi phạm (nếu có) trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính tại các sở, UBND cấp huyện, cấp xã để có hướng tháo gỡ, khắc phục, xử lý; ghi nhận những đề xuất, kiến nghị của các sở, UBND cấp huyện, cấp xã; phát hiện những cách làm hay, sáng tạo để có giải pháp nhân rộng trong toàn tỉnh.

c) Thông qua kiểm tra, tuyên truyền để đẩy mạnh công tác cải cách hành chính; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật trong hành chính công vụ và sự lãnh đạo, chỉ đạo điều hành ở các cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Yêu cầu:

a) Việc kiểm tra bảo đảm chính xác, khách quan, không gây trở ngại đến các hoạt động của đơn vị được kiểm tra.

b) Quá trình kiểm tra phải tuân thủ đúng quy định, có trọng tâm, trọng điểm, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thị, thành phố với các Đoàn kiểm tra để đạt hiệu quả cao.

II. ĐOÀN KIỂM TRA

1. Đoàn kiểm tra số 01:

a) Trưởng đoàn (Tổ trưởng Tổ công tác): Ông Đào Thanh Tùng, Giám đốc Sở Nội vụ, Tổ trưởng Tổ công tác (được thành lập theo Quyết định số 2804/QĐ-UBND ngày 24/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh).

b) Thành viên đoàn (Tổ viên Tổ công tác):

- Ông Nguyễn Đức Thịnh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Tổ viên Tổ công tác.

- Ông Lê Hữu Viên, Phó Giám đốc Sở Tư pháp, Tổ viên Tổ công tác.

- Ông Hoàng Anh Tuấn, Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Tổ viên Tổ công tác.

- Ông Nguyễn Văn Tứ, Phó Giám đốc Sở Tài chính, Tổ viên Tổ công tác.

c) Đoàn kiểm tra thực hiện việc kiểm tra tại các đơn vị: Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND các huyện: Như Thanh, Yên Định và thành phố Sầm Sơn.

2. Đoàn kiểm tra số 02:

a) Trưởng đoàn (Tổ phó Tổ công tác): Ông Nguyễn Bá Tài, Phó Giám đốc Sở Nội vụ, Tổ phó Tổ công tác.

b) Thành viên đoàn (Tổ viên Tổ công tác):

- Ông Lê Quang Tuấn, Phó Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Tổ viên Tổ công tác.

- Ông Lê Ngọc Thanh, Phó Giám đốc Sở Xây dựng, Tổ viên Tổ công tác.

- Ông Lê Xuân Minh, Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Tổ viên Tổ công tác.

- Bà Nguyễn Thị Thủy, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Tổ viên Tổ công tác.

c) Đoàn kiểm tra thực hiện việc kiểm tra tại các đơn vị: Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Y tế, Sở Giao thông - Vận tải; UBND các huyện: Thọ Xuân, Nga Sơn, Thường Xuân.

III. NỘI DUNG KIỂM TRA

1. Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính: Ban hành và triển khai thực hiện kế hoạch cải cách hành chính, kế hoạch tuyên truyền, kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính năm 2018.

2. Tình hình, kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch UBND tỉnh giao tại Quyết định số 4532/QĐ-UBND ngày 24/11/2017 về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2018; Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 25/5/2018 về triển khai, thực hiện Quyết định số 53/QĐ-BCĐCCHC ngày 13/02/2018 của Trưởng ban chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ và Thông báo số 78/TB-VPCP ngày 27/02/2018 của Văn phòng Chính phủ theo chức năng, nhiệm vụ của ngành, địa phương.

3. Công tác xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật; công tác kiểm tra, rà soát, theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại các cơ quan, đơn vị, địa phương và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hoạt động công vụ.

4. Công tác kiểm soát thủ tục hành chính; công khai kết quả giải quyết thủ tục hành chính, công khai xin lỗi trong giải quyết thủ tục hành chính; việc cắt giảm 30% thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

5. Tổ chức bộ máy, biên chế; xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Trưởng phó phòng và tương đương; vị trí việc làm; tuyển dụng, nâng ngạch; các nhiệm vụ về phân cấp quản lý nhà nước theo Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ.

6. Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ; tỷ lệ % thủ tục hành chính được giải quyết đúng hạn, % quá hạn; tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 25/5/2017 của UBND tỉnh.

7. Về ứng dụng công nghệ thông tin:

a) Triển khai Đề án Xây dựng Chính quyền điện tử và phát triển các dịch vụ thành phố thông minh tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2017 - 2020; Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa, phiên bản 1.0; Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 theo Kế hoạch số 131/KH- UBND ngày 09/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh; quản lý hồ sơ công việc trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị; vận hành Hệ thống một cửa điện tử.

b) Triển khai, thực hiện áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008.

c) Tiến độ, chất lượng tham mưu các đề án, quy chế, quy định được UBND tỉnh giao cho các sở, ngành, địa phương; việc tồn đọng, nợ văn bản.

8. Số đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (số đơn vị đang thực hiện và số đơn vị được giao tăng so với năm 2017); việc kiểm soát ngân sách nhà nước chi thường xuyên và đầu tư công; tình hình thu ngân sách năm 2018.

IV. PHƯƠNG PHÁP VÀ THỜI GIAN KIỂM TRA

1. Phương pháp kiểm tra:

Đoàn kiểm tra làm việc trực tiếp với đại diện lãnh đạo, Trưởng các phòng, ban đơn vị liên quan của cơ quan, đơn vị được kiểm tra theo chương trình và nội dung sau:

a) Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị (theo mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Kế hoạch); đề xuất, kiến nghị (đơn vị được kiểm tra chuẩn bị, báo cáo).

b) Kiểm tra thực tế hồ sơ, tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm tra.

c) Kiểm tra từ 01 đến 02 đơn vị thuộc sở; 01 đến 02 xã, thị trấn thuộc huyện, thành phố.

d) Trao đổi, thảo luận về những vấn đề cần làm rõ trong báo cáo và phát hiện qua kiểm tra thực tế.

e) Trưởng Đoàn kiểm tra kết luận.

2. Thời gian kiểm tra và số liệu báo cáo:

a) Thời gian kiểm tra theo kế hoạch từ tháng 09/2018 đến ngày 20/11/2018 (theo Phụ lục 1 kèm theo Kế hoạch);

b) Thời lượng kiểm tra ở mỗi cơ quan, đơn vị là 01 ngày làm việc (bắt đầu làm việc tại trụ sở đơn vị được kiểm tra từ 08 giờ).

c) Số liệu báo cáo Đoàn kiểm tra từ tháng 01/2018 đến thời điểm kiểm tra.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm báo cáo:

a) Đối với các sở: Tư pháp, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ (được Chủ tịch UBND tỉnh giao chủ trì tham mưu triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2018 theo từng lĩnh vực) ngoài việc xây dựng báo cáo theo mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Kế hoạch này, cần báo cáo cụ thể tình hình thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh theo chức năng quản lý nhà nước của sở, đồng thời báo cáo khắc phục tồn tại, hạn chế sau kiểm tra, tập trung vào các nhiệm vụ sau:

- Sở Tư pháp: Báo cáo về các nhiệm vụ liên quan đến công tác nâng cao chất lượng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (xây dựng, rà soát, xử lý văn bản trái pháp luật), nhất là các văn bản quy phạm pháp luật có quy định thủ tục hành chính; theo dõi, thi hành pháp luật.

- Sở Thông tin và Truyền thông: Báo cáo về các nhiệm vụ liên quan đến việc duy trì, triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa; cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 (thống kê cụ thể số lượng hồ sơ tiếp nhận và giải quyết trực tuyến tính đến thời điểm kiểm tra); vận hành hệ thống thông tin một cửa điện tử; công khai thủ tục hành chính, quản lý hồ sơ công việc trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.

- Sở Khoa học và Công nghệ: Báo cáo về các nhiệm vụ liên quan đến công tác triển khai xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO của các cơ quan, đơn vị (việc xây dựng và áp dụng tại UBND cấp xã; việc duy trì, cải tiến theo quy định).

- Sở Tài chính: Báo cáo về các nhiệm vụ liên quan đến cải cách tài chính công (thống kê số đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên; số đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên; giao mới đơn vị tự chủ năm 2018... tăng so với năm 2017).

b) Đối với các sở, UBND các huyện, thành phố còn lại thuộc diện được kiểm tra: Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2018 của cơ quan, đơn vị được giao tại Quyết định số 4532/QĐ-UBND, Kế hoạch số 110/KH-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh; các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh liên quan đến công tác cải cách hành chính năm 2018 để báo cáo kết quả thực hiện theo Phụ lục 2 kèm theo Kế hoạch này.

c) Yêu cầu về chất lượng và thời gian gửi báo cáo:

- Báo cáo phải thể hiện rõ từng nội dung, có số liệu chứng minh và tài liệu kiểm chứng; gửi về Sở Nội vụ trước thời điểm kiểm tra ít nhất 03 ngày làm việc.

- Báo cáo tình hình, kết quả khắc phục hạn chế, tồn tại và xử lý vi phạm sau kiểm tra, do Trưởng Đoàn kiểm tra kết luận, gửi Sở Nội vụ chậm nhất sau 15 ngày sau khi kết thúc kiểm tra để theo dõi, tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

2. Trách nhiệm của các Đoàn kiểm tra:

a) Trưởng các Đoàn kiểm tra tổ chức kiểm tra các đơn vị theo nội dung, thời gian kèm theo Phụ lục 1 Kế hoạch này và báo cáo kết quả về Tổ công tác kiểm tra, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh.

b) Thông báo kết quả kiểm tra cho cơ quan, đơn vị được kiểm tra biết; trong đó chỉ rõ những hạn chế, những nhiệm vụ chưa hoàn thành (nếu có), yêu cầu đơn vị được kiểm tra khắc phục.

c) Thành viên Đoàn kiểm tra được sử dụng công chức chuyên môn thuộc đơn vị tham gia giúp việc cho Đoàn kiểm tra.

3. Trách nhiệm của Tổ công tác:

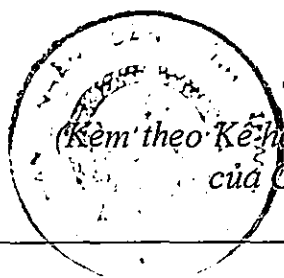
Sau khi kết thúc đợt kiểm tra, Tổ công tác kiểm tra, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh kết quả kiểm tra; đồng thời đề xuất giải pháp, hướng khắc phục những tồn tại, hạn chế hoặc vi phạm được phát hiện qua kiểm tra./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, THKH, KSTTHC-NC.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Xứng

**THỜI GIAN KIỂM TRA**

(Kèm theo Kế hoạch số: 168 /KH- UBND ngày 14/9/2018
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Stt	Đơn vị được kiểm tra	Ngày kiểm tra	Đoàn kiểm tra (ĐKT)
1	Sở Thông tin và Truyền thông	20/9/2018	ĐKT số 1
2	UBND huyện Yên Định	24/9/2018	ĐKT số 1
3	UBND huyện Thường Xuân	18/9/2018	ĐKT số 2
4	Sở Tài chính	25/9/2018	ĐKT số 2
5	Sở Khoa học và Công nghệ	02/10/2018	ĐKT số 1
6	UBND huyện Như Thanh	11/10/2018	ĐKT số 1
7	Sở Giao thông Vận tải	05/10/2018	ĐKT số 2
8	Sở Tư pháp	16/10/2018	ĐKT số 2
9	UBND huyện Nga Sơn	25/10/2018	ĐKT số 2
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	6/11/2018	ĐKT số 1
11	UBND thành phố Sầm Sơn	15/11/2018	ĐKT số 1
12	Sở Y tế	09/11/2018	ĐKT số 2
13	UBND huyện Thọ Xuân	22/11/2018	ĐKT số 2

Lưu ý: Trường hợp có thay đổi thời gian kiểm tra, các Đoàn kiểm tra phải thông báo cho đơn vị được kiểm tra trước 01 ngày./.

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CẢI CÁCH
HÀNH CHÍNH NĂM 2018
(Kèm theo Kế hoạch số : 168 /KH-UBND ngày 14 /9/2018
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Tình hình triển khai Kế hoạch cải cách hành chính: Việc đôn đốc, triển khai thực hiện, bố trí nguồn lực cho cải cách hành chính; thực hiện công tác tuyên truyền, chế độ thông tin, báo cáo, kiểm tra công tác cải cách hành chính.

2. Trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cải cách hành chính.

3. Tình hình quán triệt, triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính được Chủ tịch UBND tỉnh giao cho sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong Kế hoạch cải cách hành chính năm 2018 ban hành kèm theo Quyết định số 4532/QĐ-UBND ngày 24/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh và các văn bản khác có liên quan đến công tác cải cách hành chính nêu tại Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 25/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Nhiệm vụ Chủ tịch UBND tỉnh giao chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu:

- Tên các nhiệm vụ được giao;
- Sản phẩm phải hoàn thành (đề án, kế hoạch, quy định, quyết định,...);
- Thời gian quy định hoàn thành;
- Cấp có thẩm quyền ký.

2. Kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính:

- Các nhiệm vụ đã hoàn thành (tài liệu kiểm chứng):
 - + Số nhiệm vụ hoàn thành đúng thời gian quy định (thống kê cụ thể tên văn bản đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành, như: quyết định, kế hoạch, báo cáo, văn bản khác,...);
 - + Số nhiệm vụ hoàn thành chậm thời gian quy định;
 - + Lý do chậm (từng nhiệm vụ).
- Các nhiệm vụ chưa hoàn thành (nêu lý do chưa hoàn thành từng nhiệm vụ).

3. Việc hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra (*thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ của ngành về các đề án, quyết định sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt*).

- Nêu rõ mức độ triển khai thực hiện (có số liệu, tài liệu kiểm chứng, ban hành văn bản chỉ đạo, đôn đốc, kế hoạch kiểm tra; thông kê số đơn vị được kiểm tra trong kỳ báo cáo, kết quả xử lý các vấn đề phát hiện sau kiểm tra,...);

- Nêu những đơn vị điển hình triển khai, thực hiện tốt;

- Những hạn chế, yếu kém, bất cập (có số liệu, tài liệu kiểm chứng).

4. Việc thực hiện các nhiệm vụ thuộc chức năng quản lý của ngành, địa phương:

- Kết quả thực hiện: số nhiệm vụ đã hoàn thành/chưa hoàn thành (nêu rõ lý do, thời gian thực hiện);

- Kết quả kiểm tra đối với các nhiệm vụ đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã: số vấn đề phát hiện qua kiểm tra; xử lý (hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý) đối với các vấn đề phát hiện qua kiểm tra; đề xuất, kiến nghị liên quan đến lĩnh vực phân cấp.

5. Ý kiến đề xuất, kiến nghị (từng đề án, quyết định).

III. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN TRONG TRIỂN KHAI CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ,

1. Thuận lợi.

2. Khó khăn.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Nêu những kiến nghị, đề xuất với Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương, HĐND, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh để đẩy mạnh cải cách hành chính trong thời gian tới.

V. CÁC PHỤ LỤC, BIỂU, BẢNG (nếu có)/.